

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC – ST

Ngày 28 – 9 – 2021

V/v tranh chấp khiếu kiện

“Quyết định hành chính

trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Kh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Ngô Hoàng K**

Bà: **Nguyễn Thanh L**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đ** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Th**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2021/TLST – HC ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp *“khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST – HC ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HC ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Cụ **Triệu Thị L**, sinh năm 1926;

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B. (Đã chết)

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ L:

1. Ông Cao Q D, sinh năm 1945

Địa chỉ: Khóm 5, phường 2, thành phố C, tỉnh C;

2. Bà Cao Thị M, sinh năm 1956 (đã chết)

Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B

3. Bà Cao Thị H, sinh năm 1953

4. Bà Cao Sóc H, sinh năm 1959

5. Ông Cao Bề G, sinh năm 1961

6. Ông Cao Hồng O

7. Bà Cao Thị B, sinh năm 1965

8. Bà Cao Hồng T, sinh năm 1967

9. Ông Cao Q, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H, bà H, ông G, ông O, bà B, bà T, ông Q: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Thị Hảo – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số 52, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 10, Phường 1, thành Phố B, tỉnh B.

** Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G), tỉnh B;*

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Thg – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngô Quốc T – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cụ Lê Thị Gi, sinh năm 1928*

Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Gi:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, thị xã G, tỉnh B;

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1951

3. Ông Trần Văn V, sinh năm 1952

4. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1955 (đã chết)

5. Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B;

6. Bà Trần Hạnh Ph, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp C, Xã Đ, thành phố C, tỉnh C;

7. Ông Trần Thanh Lsinh năm 1967

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B;

8. Anh Trần Hoàng Đ, sinh năm 1983 (là con của ông Thế và bà M)

Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B;

9. Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1987 (là con của ông Thế và bà M)

Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông V, bà V, bà Ph, anh Đ, anh T: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của cụ Triệu Thị L, ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của cụ Triệu Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của cụ L trước đây là yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) về việc thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ cụ Triệu Thị L, trên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AH 342452, được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 23/01/2007, diện tích 1.322m², tờ bản đồ số 02, thửa đất số 137, đất tọa lạc Ấp 1, thị trấn H, huyện G, tỉnh B (nay là khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B) và đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã G xem xét lại việc thu hồi đất của cụ Triệu Thị L cấp lại cho cụ Lê Thị Gi.

Người khởi kiện cho rằng Quyết định tái thẩm số: 13/2020/HC-TT ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là chưa đúng với thực tế về diện tích đất cấp cho cụ Triệu Thị L, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Triệu Thị L.

Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Ngô Quốc Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G:

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) về việc thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ cụ Triệu Thị L, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 342452, được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 23/01/2007, diện tích 1.322m², tờ bản đồ số 02, thửa đất số 137, đất tọa lạc Ấp 1, thị trấn H, huyện G, tỉnh B (nay là Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B) là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền thu hồi đất là của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G, Cơ quan hành chính Nhà nước) nH khi ban hành Quyết định 6877 thể hiện là cá nhân (người có thẩm quyền trong Cơ quan Nhà nước) thu hồi là không đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2003, tuy nhiên việc sai sót này chỉ là hình thức ban hành văn bản, không làm thay đổi nội dung của quyết định hành chính.

Vì vậy người bị kiện không đồng ý theo yêu cầu của người khởi kiện cụ Triệu Thị L, đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị L.

Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lê Thị Gi, ông Trần Thanh L: Việc mượn đất giữa cụ Lê Thị Gi (mẹ ông L) và cụ Triệu Thị L đã được chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm vào năm 1996, nH phía gia đình cụ Triệu Thị L tiếp tục khiếu nại đến Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đòi đất đối với cụ Lê Thị Gi là vô lý. Ông Trần Thanh L xác định phần diện tích đất mượn của cụ Gi không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Triệu Thị L tại thời điểm năm 1995, tuy nhiên đến năm 2007 thì phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Triệu Thị L.

Vì vậy ông Trần Thanh L (người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Lê Thị Gi, cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Gi) không đồng ý theo yêu cầu của người khởi kiện cụ Triệu Thị L.

Ý kiến trình bày của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lê Thị Gi, bà Trần Thị Tư: Phần đất bị thu hồi trong quyết định số 6877 là thuộc quyền sử dụng của của cụ Lê Thị Gi nên bà Tư không đồng ý việc hủy quyết định số 6877 theo yêu cầu của cụ Triệu Thị L.

Ý kiến phát biểu tranh luận của người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Sóc H:

Nguồn gốc đất thu hồi là của cụ Út và cụ Gi đã chuyển nhượng cho cụ L năm 1976, đến năm 1981 cụ Gi có mượn đất của cụ L. Sau đó, cụ L có đòi đất thì cụ Gi có

làm giấy hẹn đến tháng 12/1999 sẽ trả đất, cụ L không đồng ý nên hai bên tranh chấp đến nay.

Tại biên bản về việc tranh chấp đất thổ cư lập ngày 18/6/1996 nội dung không có đề cập đến việc cụ Gi trả đất cho cụ L. Vào năm 1995 khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L không có đo đạc thực tế phần đất được cấp. Tại biên bản đo đạc ngày 29/10/1998 xác định diện tích đất của cụ L là 2.288m², căn cứ diện tích đất này thì trước đây Ủy ban nhân dân huyện G xác định đất tranh chấp là của cụ L và cưỡng chế buộc cụ Gi phải trả đất cho cụ L là đúng.

Quyết định tái thẩm số: 13/2020/HC – TT ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là chưa đúng với thực tế về diện tích đất cấp cho cụ Triệu Thị L, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Triệu Thị L. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị L, hủy toàn bộ Quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G).

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:

+ *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

+ *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2, 3 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 66, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Án phí hành chính sơ thẩm buộc cụ Triệu Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2011 của người khởi kiện cụ Triệu Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) về việc thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ cụ Triệu Thị L, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 342452, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 23/01/2007, diện tích 1.322m², loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 137, tọa lạc Ấp 1 thị trấn H, huyện G, tỉnh B (nay là khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B), đây là vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp khiếu kiện quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[2] *Về trình tự và thủ tục khởi kiện:*

Ngày 21/11/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) ban hành quyết định số 6877/QĐ – UBND về việc thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ cụ Triệu Thị L.

Quyết định 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 được triển khai cho cụ Triệu Thị L vào ngày 21/11/2011 (do ông Nguyễn Văn Tr, là con rể cụ L nhận thay).

Ngày 25/11/2011 cụ Triệu Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G).

Việc khởi kiện của cụ Triệu Thị L là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Sau khi tiến hành thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính, các đương sự tự khai và tiến hành lấy lời khai, Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bên đương sự đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, giao nộp tài liệu, chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo định tại Điều 9, 20, 78, 83, 84, 85, 88, 146 Luật tố tụng hành chính.

[4] Đánh giá tính pháp lý của quyết định hành chính bị khởi kiện (Quyết định 6877):

+ *Về thẩm quyền thu hồi đất:* Là của Ủy ban nhân dân huyện G (Cơ quan hành chính Nhà nước) nH khi ban hành Quyết định 6877 thể hiện là cá nhân (người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước) thu hồi là chưa đúng theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai năm 2003, Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

+ *Về căn cứ ban hành:* Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003, Luật đất đai ngày 26/11/2003, Nghị định số 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 84/2007/NĐ – CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp giấy chứng nhận QSD đất, thu hồi đất, thực hiện QSD đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Công văn số 1488/CV – UBND, ngày 04/07/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ý kiến chỉ đạo giải quyết khiếu nại của cụ Lê Thị Gi cư trú Ấp 1, thị trấn H; Tờ trình số 17/TTr – TTr ngày 14/11/2011 của Chánh thanh tra huyện. Như vậy người bị kiện đã căn cứ pháp lý cụ thể để ban hành quyết định thu hồi đất, là đúng theo quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:* Vào khoảng năm 1976, 1977 gia đình cụ Triệu Thị L có nhận chuyển nhượng của vợ chồng cụ Lê Thị Gi, ông Trần Văn Út diện tích đất 16 công đất (tầm cây) tọa lạc Ấp 1, thị trấn H, huyện G, tỉnh B (nay là khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B) (bút lục số 20). Đến khoảng năm 1983, do chỗ thông gia nên gia đình cụ Triệu Thị L có cho gia đình cụ Lê Thị Gi mượn diện tích đất ngang 04m, dài 33m để cất nhà ở tạm, đến năm 1996 cụ L có nhu cầu sử dụng đất nên đòi lại thì phía cụ Gi có làm giấy hẹn trả nền, hẹn đến tháng 12/1999. Tuy nhiên sau đó đến năm 1997 giữa cụ Triệu Thị L và cụ Lê Thị Gi có tranh chấp quyền sử dụng đất với nhau, tại bản án số 12/ST – DS ngày 04/08/1998 của Tòa án nhân dân huyện G (nay là thị xã G) đã tuyên: Chấp nhận quyền sử dụng đất cho cụ Triệu Thị L, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3569/QSDĐ ký ngày 21/11/1995 ở các thửa 0137, 0138, với diện tích mượn chiếm là

1.287m². Buộc cụ Lê Thị Gi có trách nhiệm di dời và giao trả phần lấn chiếm tại thửa 0137 cho cụ Triệu Thị L.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, cụ Gi kháng cáo, tại bản án phúc thẩm số 75/PT – DS ngày 11/11/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh B hủy toàn bộ bản án số 12/ST – DS ngày 04/08/1998 của Tòa án nhân dân huyện G với lý do phần đất đang tranh chấp giữa cụ Gi, cụ L chưa được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân huyện G giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/5/2000 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) ban hành Quyết định số 573/QĐ – UB giải quyết khiếu nại của cụ Lê Thị Gi với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của cụ Lê Thị Gi, thừa nhận diện tích đất 1.312,52m² cho cụ Triệu Thị L. Không đồng ý, ông Trần Thanh L (con cụ Gi) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 573/QĐ – UB ngày 30/5/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G). Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/STHC ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện G (nay là thị xã G) xét xử: bác yêu cầu khởi kiện hành chính của anh Trần Thanh L, chấp nhận yêu cầu rút lại quyết định số 1252 ngày 15/4/2002 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G).

Ngày 13/12/2007, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G có Tờ trình số 19/TT – TNMT, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ L diện tích 11.000m² đã cấp vào năm 1995 để đề nghị cấp sổ mới cho cụ L với diện tích 12.404m². Ngày 23/01/2007, Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L diện tích 12.404m² bao trùm phần đất mà gia đình cụ Gi đang ở. Sau khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L, ngày 15/2/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G phân công cán bộ kết hợp các phòng có liên quan cùng với cán bộ thị trấn, Trưởng Ấp 1 (nay là khóm 1) tiến hành họp dân thông báo về việc điều chỉnh tăng diện tích đất cho cụ L từ 11.000m² lên 12.404m². Tuy nhiên tại cuộc họp này nhân dân Ấp 1 (nay là khóm 1) đã có ý kiến không chấp nhận việc điều chỉnh, cụ thể là: *“yêu cầu chính quyền giải quyết đúng theo quy định của pháp luật, sớm giải quyết dứt điểm vụ này. Dân không đồng ý điều chỉnh tăng thêm diện tích, yêu cầu giải quyết như ở địa phương đã giải quyết vào năm 1995”* (thực chất thời điểm chính xác là ngày 18/6/1996).

Ngày 25/7/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ra Thông báo số 61/TB – CTUB về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với hộ cụ Lê Thị Gi cùng hai con là ông Trần Thanh L và bà Trần Thị Tuyết. Ngày 9/9/2008, Ủy ban nhân dân huyện G tiến hành cưỡng chế, tháo dỡ hai căn nhà của gia đình cụ Gi để giao đất cho cụ L đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cấp.

Bức xúc trước quyết định nêu trên, cụ Gi tiếp tục gửi đơn kêu cứu tới Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ủy ban nhân dân tỉnh B thành lập Tổ kiểm tra, xác minh để giải quyết vụ việc. Ngày 23/12/2009, Tổ kiểm tra trình báo cáo kết luận số 96/BC – TTr ngày 23/12/2009 đến Ủy ban nhân dân tỉnh B với nội dung kết luận: *“Cụ Gi đã đo đất nền nhà cũ trả cho cụ L xong vào ngày 18/6/1996 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 573 ngày 30/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện G có dấu hiệu vi phạm pháp luật, sai sự thật khách quan, bỏ sót tình tiết quan trọng có ý nghĩa làm thay đổi bản chất nội dung*

sự việc nhằm làm có lợi cho cụ Triệu Thị L, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Gi”

Trước những căn cứ và đề xuất của Tổ kiểm tra, ngày 04/07/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Công văn số 1488/CV – UBND chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi diện tích đất 1.404m² của cụ L giao trả cho gia đình cụ Gi.

Ngày 21/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 6877/QĐ – UB thu hồi diện tích 1.322m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Triệu Thị L giao trả lại cho gia đình cụ Lê Thị Gi. (Bút lục số 132, 133)

Theo Báo cáo kết quả kiểm tra số 96/BC – TTr ngày 23/12/2009 của Thanh tra tỉnh B về việc tranh chấp đất giữa cụ Gi và cụ L, thể hiện: vào ngày 18/6/1996, Ban nhân dân Ấp 1, thị trấn H, có mặt hai bên đương sự (cụ L, cụ Gi) và nhân dân Ấp 1 (nay là khóm 1) chứng kiến đo luôn phần đất biên nền nhà cũ của cụ Gi diện tích khoảng 936m² cho đủ 11.000m² (đo thực tế 11.010m²) giao cho cụ L để trừ phần đất mà cụ Gi đã mượn, theo sự thỏa thuận thống nhất giữa cụ Gi với cụ L. Sau khi đo đất xong, cụ L buộc cụ Gi đốn cây, đốn lá trả mặt bằng đất cho cụ L, cụ Gi thực hiện xong theo yêu cầu của cụ L, xem như việc mượn đất đến thời điểm này là chấm dứt. Như vậy, việc cụ Gi mượn đất của cụ L là có thật nH giao dịch này đã kết thúc vào ngày 18/6/1996 khi cụ Gi đo phần đất khác trả cho cụ L để đổi lại phần đất đã mượn làm nhà ở. Thỏa thuận này đã được hai bên đồng ý, có Ban nhân dân Ấp 1 làm chứng.

Tuy nhiên trong suốt thời gian từ năm 1997 đến năm 2008 cụ L theo giấy hẹn trả nền của cụ Gi, cụ L đã khởi kiện ra Tòa án, khiếu nại đến Cơ quan có thẩm quyền đòi đất mượn, tại thời điểm trên Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền chỉ căn cứ vào “Giấy hẹn trả nền” của cụ Gi đối với cụ L để buộc cụ Gi trả đất lại cho cụ L, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình cụ Gi, từ đó nên ngày 18/5/2020 Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định tái thẩm số 13/2020/HC – TT tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/STHC ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện G.

Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy: sự việc tranh chấp đất đai giữa cụ Triệu Thị L và cụ Lê Thị Gi được giải quyết từ năm 1997 đến năm 2008 là chưa đúng theo quy định của pháp luật, nên ngày 04/7/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh B trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra số 96/BC – TTr ngày 23/12/2009 của Thanh tra tỉnh B đã ban hành Công văn số 1488/CV – UBND chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi diện tích đất 1.404m² của cụ L giao trả cho gia đình cụ Gi. Ngày 21/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 6877/QĐ – UBND thu hồi diện tích 1.322m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Triệu Thị L giao trả lại cho gia đình cụ Lê Thị Gi là đúng theo quy định của pháp luật, khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình cụ Lê Thị Gi.

Tuy vào thời điểm ban hành Công văn số 1488/CV – UBND ngày 4/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Quyết định số 6877/QĐ – UB ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G là chưa phù hợp với Quyết định số 573/QĐ – UBND ngày 30/5/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/HCST ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện G, đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên ngày 18/5/2020 Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định tái thẩm

số 13/2020/HC – TT, tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/STHC ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện G, như vậy các sai sót trước đây đã được khắc phục, đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền thu hồi đất theo Quyết định 6877 là của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G, là thẩm quyền Cơ quan hành chính Nhà nước) nH khi ban hành Quyết định 6877 thể hiện là cá nhân (người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước) thu hồi là chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 66 của Luật đất đai năm 2013, tuy nhiên việc sai sót này chỉ là hình thức, không làm thay đổi nội dung của quyết định hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị L về việc hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) về việc thu hồi diện tích đất 1.322m² của hộ cụ Triệu Thị L.

Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Sóc H là không có căn cứ như đã phân tích ở phần trên nên không được chấp nhận.

Qua ý kiến đề xuất giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Án phí hành chính sơ thẩm cụ Triệu Thị L phải nộp 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Số tiền dự án tạm ứng áp phí 200.000 đồng ngày 04/04/2012 lai thu số 005718 của cụ Triệu Thị L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là thị xã G) sẽ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

– Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2, 3 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 66; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị L đối với Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) đối với yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 6877/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) về việc thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ cụ Triệu Thị L, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 342452, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 23/01/2007, diện tích đất bị thu hồi 1.322m², loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 137, đất tọa lạc Ấp 1 thị trấn H, huyện G, tỉnh B (nay là khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B).

2. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm cụ Triệu Thị L phải nộp 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Số tiền dự nộp tạm ứng áp phí 200.000 đồng ngày 04/04/2012 theo lai thu số 005718 của cụ Triệu Thị L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là thị xã G) sẽ được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh B
- + VKSND thị xã G
- + Chi cục THADS thị xã G
- + Các đương sự
- + Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa